

THÔNG BÁO

Về kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thi hành án dân sự

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án số 15/2019/DSST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Thành Phố Hà Nội (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - thành phố Hà Nội);

Căn cứ Quyết định thi hành án số 16/QĐ-CCTHADS ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 - thành phố Hà Nội);

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 03/QĐ-THADS (KV11) ngày 15 tháng 08 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 - thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thi hành án dân sự số 1623/TB-THADS.KV11 ngày 18 tháng 03 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 - thành phố Hà Nội;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản.

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450, tờ bản đồ số 05, diện tích 204 m², địa chỉ Thôn Sở Hạ, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội (Nay là xã Hồng Vân, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 747748 do UBND huyện Thường Tín cấp ngày 30/05/2017, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH00501 mang tên Ông Đặng Văn Phường và bà Tạ Thị Ngoạn.

2. Giá khởi điểm làm tròn là: **11.232.699.000 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng).**

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Số 1 Quốc Gia – Địa chỉ trụ sở: Số 16-TM3C-15, Khu đô thị Nam đường vành đai 3(giai đoạn 1), phường Định Công, Thành phố Hà Nội.

Tổng số điểm: 94/100

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN	CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH SỐ 1 QUỐC GIA	CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM
I	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố			
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	<i>Đủ điều kiện</i>	<i>Đủ điều kiện</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	<i>Không đủ điều kiện</i>		
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại hình tài sản đấu giá	19,0	19,0	19,0
1.	Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đấu giá	10,0	10,0	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử,...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5,0	5,0

2	Trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá	5,0	5,0	5,0
2.1	Có hệ thống Camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3,0	3,0
3	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0	2,0	2,0
4	Có trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc đã thực hiện cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	1,0	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ	16,0	16,0	16,0

	<i>các nội dung trong phương án)</i>			
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4,0	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0	2,0
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4,0	4,0	4,0
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4,0	4,0	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	2,0	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	2,0	2,0
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an</i>	4,0	4,0	4,0

	<i>ninh trật tự của phiên đấu giá</i>			
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	<i>57,0</i>	<i>51,0</i>	<i>55,0</i>
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	<i>15,0</i>	<i>15,0</i>	<i>15,0</i>
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá (bao gồm trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	<i>12,0</i>		
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá thành đến 40 cuộc đấu giá	<i>13,0</i>		
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	<i>14,0</i>		
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	<i>15,0</i>	<i>15,0</i>	<i>15,0</i>
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	<i>7,0</i>	<i>6,0</i>	<i>7,0</i>
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	<i>4,0</i>		
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	<i>5,0</i>		

2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0	6,0	
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0		7,0
3	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)	7,0	6,0	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0		
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0		
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	6,0	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0		7,0
4	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả chấm điểm là số thập phân, thì được	3,0	2,0	3,0

	làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm			
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm.	3,0	2,0	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B= (U x 3)/Y			
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu			

	trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$			
5	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	5,0	5,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0		
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	5,0	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0		
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0		
6	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0	3,0	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0		
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	3,0	
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0		4,0

7	<p>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/03/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của Doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p>	4,0	4,0	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0		
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0		
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	4,0	4,0

8	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5,0	5,0	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0		
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0		
8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0	5,0	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước.	5,0	3,0	5,0

	Chỉ chọn chấm một trong các tiêu chí.			
9.1	Dưới 50 triệu đồng	<i>3,0</i>	<i>3,0</i>	
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	<i>4,0</i>		
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	<i>5,0</i>		<i>5,0</i>
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt mức quá mức tối đa của mục này)	<i>8,0</i>	<i>8,0</i>	<i>3,0</i>
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung	<i>3,0</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>

	một số điều của Luật Đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)			
2.	Đã từng ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0	2,0	0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0	2,0	2,0
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	3,0	3,0	0
	Tổng số điểm	100	94	93

Chấp hành viên Thi hành án dân sự Hà Nội thông báo để các bên liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Trang Thông tin điện tử THADS TP HN;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- VKSND thành phố Hà Nội; - VKSND KV11 – Hà Nội;
- Trưởng Phòng THADS KV11 (để b/c);
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Chu Tấn Anh).

CHẤP HÀNH VIÊN

Chu Tấn Anh